

TỈNH ỦY BẾN TRE

*

Số 23-CTr/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bến Tre, ngày 07 tháng 02 năm 2013

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Kết luận số 51-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN TRE	
Số: 345	Ngày: 20/02
ĐẾN	
Chuyển:	Ngày 29 tháng 10 năm 2012

Ngày 29 tháng 10 năm 2012, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) ban hành Kết luận số 51-KL/TW về Đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Để triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Kết luận số 51-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Tỉnh ủy Bến Tre xây dựng Chương trình hành động, gồm những nội dung như sau:

I. Tình hình phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh trong thời gian qua.

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về định hướng Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000, trong điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, các nguồn lực chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo; nhưng được sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và sự góp sức của toàn xã hội, sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh nhà đã có những chuyển biến tích cực.

Quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục được quy hoạch và phát triển đúng hướng, đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực, bồi dưỡng, phát triển nhân tài và nhu cầu học tập của nhân dân. Chất lượng giáo dục không ngừng nâng cao; hệ thống trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, các cơ sở đào tạo nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng phát triển khá tốt. Toàn tỉnh đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và đang đẩy mạnh thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2 và phổ cập giáo dục trung học. Chế độ, chính sách giáo dục đối với học sinh, sinh viên thuộc diện gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục được quan tâm. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được bổ sung, kiện toàn, cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý, giảng dạy trong giai đoạn mới.

Cơ chế quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo được đổi mới theo hướng tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục về tài chính, biên chế và tổ chức bộ

máy. Ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục và đào tạo tăng nhanh; công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục có những chuyển biến tích cực; hoàn thành khá tốt những mục tiêu cơ bản của Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2001-2010.

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác giáo dục và đào tạo tỉnh nhà cũng còn những mặt hạn chế, yếu kém: Cơ sở vật chất, trường lớp chưa đáp ứng tốt yêu cầu dạy học 2 buổi/ngày; một bộ phận giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục còn yếu về chuyên môn, nghiệp vụ; công tác đào tạo nguồn nhân lực chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; còn tình trạng giáo viên, học sinh vi phạm pháp luật, đạo đức, lối sống gây bức xúc trong xã hội; công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở còn lúng túng; tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia còn chậm; tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan vẫn còn xảy ra; công tác xã hội hoá giáo dục đạt kết quả chưa cao.

Nguyên nhân chủ yếu là do cấp uỷ đảng, chính quyền ở một số nơi nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh nhà; chưa tập trung cao nguồn lực cho sự phát triển giáo dục tại địa phương; triển khai một số chủ trương, chính sách về phát triển giáo dục còn chậm; cơ chế, chính sách chưa đủ mạnh để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về tỉnh; các nguồn lực xã hội hoá đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo còn thấp; một số chế độ chính sách đối với cán bộ, viên chức ngành giáo dục còn bất cập; việc kiểm tra, giám sát các hoạt động giáo dục và đào tạo ở địa phương chưa thường xuyên; ngành Giáo dục và đào tạo chưa phát huy tốt vai trò tham mưu, đề xuất các giải pháp và chính sách để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, ...

II. Một số nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thực hiện tạo tiền đề đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục tỉnh nhà.

1. Tiếp tục quán triệt sâu và đầy đủ quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, phải đi trước và được đầu tư trước.

Các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến, quán triệt sâu sắc các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo, dạy nghề trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân; qua đó, làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức và hành động của toàn xã hội về vị trí, tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo; xem giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho sự phát triển bền vững; phải đi trước và được ưu tiên đầu tư trước. Từ đổi mới về nhận thức, tạo sự chuyển biến trong lãnh đạo, chỉ đạo, tập trung đầu tư toàn diện cho giáo dục và đào tạo, xem đây là yêu cầu khách quan và cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

Ngành Giáo dục và đào tạo phải nhận thức sâu sắc về vai trò, vị trí của ngành mình; thường xuyên tham mưu, đề xuất những giải pháp ngắn hạn, dài hạn để thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo gắn với Chiến lược tổng thể của cả nước và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Trước mắt, đề xuất giải pháp khắc phục ngay những hạn chế, bất

cập trong công tác quản lý giáo dục; nâng cao chất lượng dạy và học của các trường trong tỉnh.

2. Thực hiện tốt quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương; tăng cường công tác xây dựng Đảng trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Trên cơ sở Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được Chính phủ phê duyệt và Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 20/10/2011 của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bến Tre giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020, ngành Giáo dục và đào tạo tập trung triển khai thực hiện tốt Quy hoạch phát triển nhân lực giáo dục và đào tạo của tỉnh, đảm bảo đủ nguồn lực để thực hiện yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục tỉnh nhà.

Triển khai các biện pháp rà soát, đánh giá năng lực thực tiễn, cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên toàn ngành Giáo dục và đào tạo để có kế hoạch bố trí, sắp xếp phù hợp. Kịp thời bổ sung, điều chuyển hợp lý cán bộ quản lý và giáo viên ở những vùng khó khăn; chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn, chuẩn nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên; nâng cao tầm nhìn, năng lực sáng tạo và tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ quản lý; tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên ở các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục - đào tạo.

Tăng cường công tác xây dựng Đảng trong các cơ sở giáo dục và đào tạo thông qua việc xây dựng quy chế phối hợp giữa ngành giáo dục và đào tạo với các cấp ủy, chính quyền địa phương; các cấp ủy đảng cần xem nhiệm vụ lãnh đạo và kiểm tra công tác giáo dục và đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của cấp ủy; làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quán triệt và triển khai thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo; tập trung củng cố các tổ chức đảng, đoàn thể trong các trường học thật sự vững mạnh.

Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với cuộc vận động “*Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*”; xây dựng mối quan hệ đúng mực, lành mạnh giữa giáo viên với học sinh, sinh viên; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức trách nhiệm, đạo đức, lối sống của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, sinh viên trong giảng dạy và học tập; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong học sinh, sinh viên; xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong các cơ sở giáo dục và trong toàn ngành, tạo sức mạnh tổng hợp và quyết tâm cao để hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục và đào tạo tại địa phương.

3. Thực hiện tốt công tác quy hoạch phát triển mạng lưới trường học, cơ sở giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân và nhu cầu đào tạo nhân lực của địa phương.

Cấp ủy đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và triển khai Quy hoạch phát triển mạng lưới các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, cơ sở dạy nghề trong

tính đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và đạt chuẩn quốc gia; giải quyết dứt điểm tình trạng trường học xuống cấp, không đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập. Hoàn thành một số công trình hạng mục cơ bản của trường Cao đẳng Bến Tre để chuẩn bị nâng cấp thành trường Đại học Bến Tre khi có chủ trương của Trung ương.

Tập trung nguồn lực xây dựng mới trung tâm bồi dưỡng chính trị, trung tâm dạy nghề ở các huyện, thành phố. Khẩn trương hoàn thành thủ tục nâng cấp Trường Trung cấp Y tế Bến Tre thành Trường Cao đẳng Y tế Bến Tre. Sớm thực hiện việc sáp nhập một số trường tiểu học, trung học cơ sở thuộc vùng lân cận theo Kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt, tạo điều kiện để tập trung đầu tư và phát triển hợp lý mạng lưới cơ sở giáo dục. Khuyến khích các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp hình thành các cơ sở sản xuất, dịch vụ nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ phù hợp với ngành nghề đào tạo, để ứng dụng kiến thức vào thực tiễn, tăng thêm nguồn thu cho nhà trường.

Đảm bảo tiến độ đầu tư phát triển các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp tỉnh giai đoạn 2012-2015 và định hướng đến năm 2020 đã được phê duyệt. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường trung học phổ thông chuyên Bến Tre để kịp đưa vào sử dụng trong năm 2014. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực cho trung tâm học tập cộng đồng các xã, phường, thị trấn, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác bồi dưỡng, phối hợp chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống, nâng cao chất lượng phong trào “toàn dân học tập”.

4. Đổi mới quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo theo hướng tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thống nhất đầu mối quản lý các cơ sở giáo dục.

Các cấp quản lý giáo dục và đào tạo nâng cao năng lực tham mưu với các cấp uỷ, chính quyền địa phương; chủ động phối hợp với các ngành chức năng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo và trong thực hiện các dự án đầu tư xây dựng trường học, đảm bảo các công trình xây dựng đúng quy trình, đạt chất lượng.

Đổi mới cơ chế quản lý tài chính, sử dụng có hiệu quả nguồn lực của Nhà nước và xã hội đầu tư phát triển giáo dục; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, đồng thời tăng cường sự giám sát của các cơ quan, đoàn thể và xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu về khoa học giáo dục, tạo cơ sở để giải quyết tốt các vấn đề về lý luận và thực tiễn trong quá trình đổi mới giáo dục.

Thực hiện tốt công tác bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên theo hướng coi trọng phẩm chất và năng lực thực tiễn; tập trung chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh ngay các tiêu cực, sai phạm trong hoạt động giáo dục, nhất là tình trạng dạy thêm, học thêm không đúng qui định; việc lạm thu và sử dụng không đúng mục đích các nguồn thu trong các cơ sở giáo dục, các tiêu cực trong thi cử,..

5. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; mở rộng đào tạo ngoại ngữ, tin học cho học sinh, sinh viên.

Tập trung thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 1; đến năm 2015, phấn đấu có 50% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2; giữ vững thành quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở và đẩy mạnh việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền, sự phối hợp giữa ngành Giáo dục và đào tạo với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức chính trị-xã hội và gia đình trong việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông để vào các trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề của tỉnh. Triển khai thực hiện tốt Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020; phát huy vai trò của Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh và các huyện, thành phố trong việc đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học cho học sinh, sinh viên, xem đây là một trong những điều kiện quan trọng để học sinh, sinh viên tiếp tục theo học các bậc học cao hơn; đồng thời tiếp cận nhanh những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong, ngoài nước, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh nhà.

Nâng cao năng lực, hiệu quả đào tạo của các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, đảm bảo công tác đào tạo phải gắn với nhu cầu nhân lực của địa phương; xác định cơ chế, trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo nghề, coi đào tạo nghề là một nhiệm vụ trong phát triển doanh nghiệp; khuyến khích đào tạo những ngành nghề mới đáp ứng thị trường lao động trong nước, phục vụ xuất khẩu lao động và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

6. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục; hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển giáo dục và đào tạo; quan tâm xây dựng mô hình giáo dục tiên tiến.

Huy động mọi nguồn lực để phát triển giáo dục và đào tạo; khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập; phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, hội Khuyến học, hội Cựu giáo chức... để động viên các lực lượng xã hội tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo; kịp thời nhân rộng, đề xuất khen thưởng những tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực cho sự phát triển của giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục và đào tạo và học sinh, sinh viên gia đình nghèo, gia đình chính sách; kịp thời kiến nghị bổ sung, điều chỉnh những chế độ, chính sách còn bất cập hiện nay. Tăng cường liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học, các học viện trong và ngoài nước để phục vụ yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh; đẩy mạnh hợp tác, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm giữa các cơ sở giáo dục trong và ngoài tỉnh, nhằm nâng cao chất

lượng đào tạo; đồng thời, xây dựng lực lượng giáo viên, giảng viên nòng cốt, đáp ứng nhiệm vụ phát triển giáo dục trong giai đoạn mới.

Xây dựng và nâng cao chất lượng trường Trung học phổ thông chuyên Bến Tre thành trường chất lượng cao của tỉnh; các huyện, thành phố cần tập trung chỉ đạo xây dựng mỗi cấp học có một trường điển hình tiên tiến, nòng cốt để nhân rộng.

III. Tổ chức thực hiện.

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng xây dựng kế hoạch hoặc chương trình hành động để cụ thể hoá Kết luận số 51-KL/TW của Ban chấp hành Trung ương và Chương trình hành động của Tỉnh ủy phù hợp với từng đơn vị, địa phương; đồng thời tổ chức quán triệt sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; định kỳ kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện.

2. Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án đã được phê duyệt; chỉ đạo thực hiện các chính sách, chế độ có liên quan để thực hiện tốt Kết luận số 51-KL/TW của Ban chấp hành Trung ương và Chương trình hành động của Tỉnh ủy.

3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp theo dõi, giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo ở đơn vị, địa phương.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn nội dung phổ biến, quán triệt; định kỳ kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kết luận số 51-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Chương trình hành động của Tỉnh ủy và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo.

Chương trình hành động này được phổ biến, quán triệt đến chi bộ và nhân dân để thực hiện./.

Nơi nhận:

- BBTW Đảng
- VPTW (Vụ ĐP II)
- BTGTW (HN, T79)
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban đảng, đảng đoàn, BCS đảng, các sở, ngành tỉnh,
- Các đồng chí trong Tỉnh ủy (khoá IX),
- VPTU (BLĐ, MNB),
- Lưu.

T/M TỈNH ỦY
S.A.V BÍ THƯ



Nguyễn Thành Phong

Số: /KH-SGD&ĐT

Bến Tre, ngày tháng 3 năm 2013

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kết luận số 51-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” và Chương trình hành động số 23-CTr/TU của Tỉnh ủy Bến Tre

Thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 29 tháng 10 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” và Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 07 tháng 02 năm 2013 của Tỉnh ủy Bến Tre thực hiện Kết luận số 51-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Trên cơ sở các nhiệm vụ chủ yếu của Kết luận số 51-KL/TW để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục từ nay đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

Quán triệt sâu sắc Kết luận số 51-KL/TW và các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về GD&ĐT, dạy nghề; đề ra những mục tiêu, giải pháp để thực hiện chiến lược phát triển giáo dục phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

Qua 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), được sự quan tâm của cấp ủy đảng, chính quyền, cùng với sự nỗ lực, phấn đấu của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục đã làm chuyển biến tích cực sự nghiệp GD&ĐT. Quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục được quy hoạch và phát triển đúng hướng; chất lượng giáo dục chuyển biến khá tích cực; toàn tỉnh đã hoàn thành phổ cập giáo dục (PCDG) tiểu học (TH) đúng độ tuổi, PCGD trung học cơ sở (THCS) và đang đẩy mạnh thực hiện công tác PCGD mầm non (MN) cho trẻ em 5 tuổi, PCGD TH đúng độ tuổi mức độ 2 và PCGD trung học; đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục được bổ sung, kiện toàn; ngân sách Nhà nước đầu tư cho giáo dục và đào tạo tăng nhanh; công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục có chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, cơ sở vật chất, trường lớp học chưa đáp ứng tốt yêu cầu dạy học 2 buổi/ngày; tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia còn chậm; một bộ phận CBQL, giáo viên chậm đổi mới, chưa sáng tạo trong công tác và giảng dạy; vẫn còn tình trạng giáo viên, học sinh vi phạm đạo đức, lối sống gây bức xúc trong dư luận và xã hội.

III. NHIỆM VỤ VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức sâu sắc về vai trò, vị trí của ngành; đẩy mạnh triển khai thực hiện các đề án, kế hoạch về GD&ĐT đã được triển khai

- Tiếp tục khẳng định vị trí, tầm quan trọng của GD&ĐT trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, từ đó tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức toàn ngành.

- Tập trung huy động các nguồn lực; tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 4799/KH-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về Phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020; rà soát, hoàn thành đúng tiến độ các chỉ tiêu, mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2011-2015 đã được UBND tỉnh phê duyệt như: Kế hoạch số 973/KH-UBND ngày 16/3/2011 về thực hiện đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, Kế hoạch số 1259/KH-UBND ngày 04/4/2011 về thực hiện phổ cập giáo dục, Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 13/01/2011 về xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, Kế hoạch số 2180/KH-UBND ngày 01/6/2011 về nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, v.v....

- Nâng cao công tác phối hợp; kịp thời tham mưu Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh những vấn đề về GD&ĐT phù hợp sự phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

2. Triển khai mạnh mẽ quy hoạch nhân lực của ngành, đảm bảo đủ nguồn lực để thực hiện yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT tỉnh nhà

- Chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục tất cả các cấp học, bảo đảm đủ số lượng, đạt chuẩn nghề nghiệp, đồng bộ về cơ cấu và một bộ phận trên chuẩn; phối hợp với các cấp ủy địa phương đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên và nâng cao chất lượng đảng viên trong ngành giáo dục; nâng cao trình độ lý luận chính trị, phẩm chất, đạo đức lối sống, lương tâm nghiệp vụ của nhà giáo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong giai đoạn mới.

- Phấn đấu đến năm 2015:

+ Đối với CBQL giáo dục: 100% là đảng viên, đạt trình độ lý luận chính trị - hành chính từ trung cấp trở lên và được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục. Về trình độ chuyên môn: Có 90% CBQL trường MN và TH đạt trình độ cao đẳng trở lên; 90% CBQL trường THCS đạt trình độ đại học trở lên; 25% CBQL trường THPT và 10% CBQL ở các cơ quan giáo dục (phòng, sở) đạt trình độ thạc sĩ trở lên.

+ Đối với giáo viên: Bổ sung, điều chỉnh, sắp xếp, bố trí giáo viên các cấp học đủ theo biên chế quy định. Về chuyên môn 100% đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn: Mầm non 60%, Tiểu học 80%, THCS 60%, THPT 15%, giáo viên các cấp là đảng viên 50%. Đạt chuẩn nghề nghiệp 100%, đến 2015 có 90% đạt chuẩn nghề nghiệp loại khá trở lên.

- Tăng cường, chủ động phối hợp với các ngành chức năng, các đoàn thể; kịp thời tham mưu Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh những vấn đề về GD&ĐT phù hợp với sự phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

3. Khắc phục tiêu cực trong dạy thêm, học thêm, việc lạm thu và sử dụng không đúng mục đích, tiêu cực trong thi cử

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn nhằm cụ thể hóa Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ GD&ĐT về dạy thêm, học thêm.

- Tăng cường quản lý giáo viên trong việc thực hiện chương trình dạy học, thực hiện quy định dạy thêm học thêm. Chỉ đạo dạy học phân hóa, bám sát từng đối tượng, phù hợp với năng lực học sinh; chú trọng phụ đạo học sinh yếu, kém; đồng thời tập trung bồi dưỡng học sinh khá, giỏi; tăng cường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày để học sinh được tăng thời lượng tự học có hướng dẫn ở trường, thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Tập trung đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá.

- Tăng cường công tác thanh tra thường xuyên, định kỳ; thanh tra các kỳ thi; kiểm tra, chấn chỉnh các tiêu cực, sai phạm trong hoạt động giáo dục; nhất là trình trạng dạy thêm, học thêm, liên thông, liên kết đào tạo không đúng quy định.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả đào tạo của các trường Cao đẳng (CD), Trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) đảm bảo các hoạt động liên kết, liên thông gắn với nhu cầu nhận lực của địa phương.

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước về các khoản thu, chi trong trường học, thực hiện Thông tư 09/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 về quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 về Điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh, Thông tư số 29/2012/TT-BGDĐT ngày 10/9/2012 quy định tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

4. Tích cực triển khai Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục (PCGD) mầm non (MN) cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả PCGD tiểu học (TH) và PCGD trung học cơ sở (THCS), tăng cường phân luồng học sinh sau THCS; tăng cường dạy và học ngoại ngữ, tin học

- Tập trung thực hiện PCGD MN cho trẻ 5 tuổi; thực hiện PCGD TH đúng độ tuổi mức độ 2. Phần đầu đến năm 2015, tỉnh đạt chuẩn PCGD MN cho trẻ em 5 tuổi; 45% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD TH đúng độ tuổi mức độ 2; giữ vững thành quả PCGD THCS; tiếp tục thực hiện PCGD trung học ở những nơi có điều kiện.

- Tập trung phân luồng học sinh sau THCS, phần đầu đủ khả năng tiếp nhận học sinh tốt nghiệp THCS và học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) vào học ở các cơ sở đào tạo TCCN và dạy nghề.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 2103/KH-UBND ngày 27/5/2011 về triển khai Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020" trong các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2011 - 2015.

- Đẩy mạnh triển khai ứng dụng ngoại ngữ, tin học; nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm GDTX và trung tâm ngoại ngữ, tin học trong việc đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học cho học sinh, sinh viên và người dân có nhu cầu học ngoại ngữ, tin học.

5. Tiếp tục triển khai, quy hoạch mạng lưới trường lớp, tăng cường đầu tư, xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, chú trọng đầu tư xây dựng các công trình trường học vùng sâu, vùng xa

- Tiếp tục quy hoạch mạng lưới trường lớp, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Phần đầu đến năm 2015, toàn tỉnh có 43 trường mầm non, 128 trường mẫu giáo, 188 trường tiểu học, 138 trường THCS, 36 trường THPT, 09 trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX), 01 trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, 01 trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật, 01 trường đại học, 01 trường CĐ, 01 trường TCCN và các trường ngoài công lập.

- Phối hợp với các sở, ngành tiến hành rà soát, xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới các trường Đại học, CĐ, TCCN của tỉnh đến năm 2020.

- Tranh thủ, phối hợp cụ thể hóa nội dung, triển khai thực hiện Kế hoạch số 3085/KH-UBND ngày 09/7/2012 của UBND tỉnh về phát triển các trung tâm GDTX, trung tâm kỹ thuật - tổng hợp hướng nghiệp tỉnh giai đoạn 2012 - 2015 và định hướng đến năm 2020; từng bước xây dựng hoàn chỉnh các trung tâm theo chuẩn. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực cho trung tâm học tập cộng đồng các xã, phường, thị trấn, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác bồi dưỡng, phối hợp chuyên gia, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống, phát huy phong trào toàn dân học tập.

- Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và đạt chuẩn quốc gia; giải quyết dứt điểm tình trạng trường học

xuống cấp, không đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. Phấn đấu đến năm 2015, có 42 trường MN (tỷ lệ 25%), 67 trường TH (tỷ lệ 35,4%) trong đó có 05 trường đạt chuẩn mức độ 2, 55 trường THCS (40,7%) và 11 trường THPT (32,3%) đạt chuẩn quốc gia. Đến năm 2020, có 60% trường MN, 40% trường TH, 50% trường THCS, 70% trường THPT đạt chuẩn quốc gia.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường THPT Chuyên Bến Tre để kịp đưa vào sử dụng trong năm học 2013 - 2014.

6. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục; quan tâm xây dựng mô hình giáo dục tiên tiến; thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục; đề xuất bổ sung, điều chỉnh các cơ chế, chính sách bất hợp lý nhằm phát triển GD&ĐT

- Tập trung huy động mọi nguồn lực phát triển giáo dục và đào tạo; khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

- Tăng cường phối hợp các đoàn thể, hội Khuyến học, hội Cựu giáo chức, v.v...; nâng cao vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội để giáo dục học sinh, kéo giảm tỷ lệ bỏ học, lưu ban, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Tiếp tục vận động hỗ trợ cho học sinh thuộc diện chính sách và các nguồn kinh phí khác để sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất trường học. Kịp thời nhân rộng, đề xuất khen thưởng những tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực cho sự phát triển giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục và đào tạo; kịp thời kiến nghị bổ sung, điều chỉnh những chế độ, chính sách còn bất hợp lý hiện nay. Tăng cường liên kết đào tạo, đẩy mạnh hợp tác, chuyên giao, ứng dụng tiến bộ khoa học trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm giữa các cơ sở giáo dục trong và ngoài tỉnh, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; đồng thời, xây dựng lực lượng giáo viên, giảng viên nòng cốt, đáp ứng nhiệm vụ phát triển giáo dục trong giai đoạn mới.

- Xây dựng và nâng cao chất lượng trường THPT Chuyên Bến Tre thành trường chất lượng cao của tỉnh; các huyện, thành phố tiếp tục nâng cao chất lượng các trường đạt chuẩn quốc gia.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở GD&ĐT tổ chức quán triệt nội dung Kết luận số 51-KL/TW, Chương trình hành động số 23-CTr/TU của Tỉnh ủy, Kế hoạch của ngành giáo dục và đào tạo đến Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố, các đơn vị trực thuộc Sở. Phối hợp với Báo, Đài chủ động tổ chức tuyên truyền, giới thiệu các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện của ngành trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Các Phòng GD&ĐT, cơ sở giáo dục có trách nhiệm nghiên cứu, cụ thể hóa Kết luận số 51-KL/TW, Chương trình hành động số 23-CTr/TU của Tỉnh ủy, Kế hoạch thực hiện của ngành để xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể cho đơn vị; tổ chức triển khai cho toàn thể CBQL, GV và nhân viên phù hợp tình hình thực tế tại đơn vị; định kỳ 6 tháng (trước ngày 25/6) và một năm (trước ngày 15/01) có báo cáo đánh giá gửi về Sở GD&ĐT để theo dõi, tổng hợp.

3. Kinh phí thực hiện triển khai các nội dung được dự toán từ các nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước giao cho giáo dục hàng năm, ngân sách từ chương trình mục tiêu quốc gia GD&ĐT, ngân sách từ các đề án, dự án GD&ĐT và từ xã hội hóa giáo dục.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị báo cáo kịp thời về Sở GD&ĐT để xem xét và chỉ đạo thực hiện./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Ban TGTU
- VP Tỉnh ủy
- VP UBND tỉnh
- UBND các huyện, thành phố;
- Giám đốc, các Phó GD Sở GD&ĐT;
- Các Phòng GD&ĐT,
các đơn vị trực thuộc Sở (để thực hiện);
- Website Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, vk.